

Bản án số: 611/2023/HS-PT
Ngày 24/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm
Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 334/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thúy A, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HS-ST ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Bị cáo không có kháng cáo:

Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1982; tại Long An. Nơi đăng ký thường trú: Khu phố 3, phường 2, thị xã Kiến T, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Số 48, đường Đỗ Văn B, Khu phố 1, phường 1, thị xã Kiến T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 và bà Trần Thị L, sinh năm 1962; có chồng tên Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982 và có 02 con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2021 cho đến nay; có đơn xin xử vắng mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo An: Ông Hồ Hoài Nh là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Trường M, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1967; cư trú tại: Số nhà 122 Bạch Đ, khu phố 2, phường 2, thị xã Kiến T, tỉnh Long An; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Số 50 đường Đỗ Văn Bôn, Khu phố 1, Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An; có mặt.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Số 585, Khu phố 6, Phường 2, thị xã T, tỉnh Long An; có mặt.

- *Ngoài ra, trong vụ án này còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo, nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thuý A là cán bộ Phòng tín dụng Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã T, tỉnh Long An, được phân công phụ trách địa bàn thị xã T từ ngày 01/7/2008 đến ngày 01/9/2020. Trong thời gian công tác, từ tháng 11/2018 đến ngày 09/04/2019, Thuý An nhiều lần được bà Nguyễn Thị Nhung cho vay, số tiền lên đến 6.500.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Thuý An cho bà Trần Thị Diệu 2.500.000.000 đồng và Trần Thị Thanh Thủy 4.000.000.000 đồng. vay lại với lãi suất cao hơn. Quá trình thực hiện hợp đồng Thuý An được bà Diệu trả tiền lãi 70.000.000 đồng và bà Thủy trả tiền lãi 150.000.000 đồng.

Đến tháng 5/2019, bà Trần Thị D và Trần Thị Thanh Th không còn khả năng trả nợ vay và lãi suất cho Nguyễn Thị Thuý A. Từ đó, Thuý An mất khả năng trả nợ gốc và lãi suất cho bà Nguyễn Thị Nh. Nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan và gia đình, Thuý A nghĩ đến việc tiếp cận nhiều người quen biết cho vay với lãi xuất cao tại khu vực thị xã Kiến T, Thuý A đưa ra thông tin gian dối (hiện có nhiều hộ dân ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Phòng tín dụng Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã Kiến T đang cần số tiền lớn nhờ Thuý A vay hộ để đáo hạn ngân hàng), nhằm chiếm đoạt tiền vay của những người cả tin để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Nhung và sử dụng số tiền còn lại, trả nợ vay xoay vòng cho người cho vay. Từ tháng 05/2019 đến tháng 11/2021, Nguyễn Thị Thuý A thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Cụ thể:

- Từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2019, Nguyễn Thị Thuý A vay tiền nhiều lần của bà Phạm Thị Mỹ D với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Các lần này Thuý An đều trả tiền vay gốc và lãi suất đầy đủ. Từ ngày 09/02/2021 đến ngày 01/3/2021 bà D cho Thuý A vay ba lần tổng cộng 9.988.200.000 đồng đến nay Thuý An không trả gốc và lãi.

- Từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020, Nguyễn Thị Thuý A vay tiền của Võ Ngọc H nhiều lần tổng số tiền vay gốc là 4.470.000.000 đồng, lãi suất Thuý A thỏa thuận sẽ trả cho bà H tùy theo từng hồ sơ của khách hàng cho A. Nguyễn Thị Thuý A trả tiền vay gốc cho bà Hồng là 495.000.000 đồng. Hiện nay, Nguyễn Thị Thuý A còn nợ tiền vay gốc của bà Hồng là 3.975.000.000 đồng.

- Từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2021, Nguyễn Thị Thúy A nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Th với tổng số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Nguyễn Thị Thúy A trả tiền lãi vay cho bà Th là 120.000.000 đồng, đã trả vay gốc là 850.000.000 đồng. Hiện nay, Nguyễn Thị Thúy A còn nợ tiền vay gốc của bà Nguyễn Thị Th 1.150.000.000 đồng.

- Từ ngày 15/01/2021 đến ngày 20/3/2021, Nguyễn Thị Thúy A nhiều tiền vay tiền của bà Bùi Thị Đ tổng số tiền gốc là 26.747.000.000 đồng, lãi suất cho vay từ 2.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Nguyễn Thị Thúy A trả tiền lãi 321.660.000 đồng và trả tiền vay gốc là 4.637.000.000 đồng. Hiện nay, Nguyễn Thị Thúy A còn nợ tiền vay gốc của bà Bùi Thị Đ 22.110.000.000 đồng.

- Từ tháng 01/2021, Nguyễn Thị Thúy A vay bà Huỳnh Thị Yến T nhiều lần với số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Nguyễn Thị Thúy A đã trả tiền lãi cho bà T là 75.000.000 đồng và tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng. Hiện nay, Nguyễn Thị Thúy A còn nợ tiền vay gốc của bà Huỳnh Thị Yến T 1.000.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của các bị hại cụ thể như sau:

- Thu giữ của bà Phạm Thị Mỹ D: 01 biên nhận ghi ngày 09/02/2021, thể hiện Nguyễn Thị Thúy A có mượn của Phạm Thị Mỹ D số tiền 588.200.000 đồng; 01 biên nhận ghi ngày 01/3/2021, thể hiện Nguyễn Thị Thúy A có mượn của Phạm Thị Mỹ D số tiền 7.050.000.000 đồng; 01 biên nhận ghi ngày 01/3/2021, thể hiện Nguyễn Thị Thúy A có mượn của Phạm Thị Mỹ D số tiền 2.350.000.000 đồng;

- Thu giữ của bà Võ Ngọc H: 01 quyển sổ tay (loại nhỏ) đã được đánh số thứ tự từ 01 đến 16, có thể hiện chữ viết, con số, chữ ký; 01 quyển sổ tay (loại nhỏ, bìa cứng màu xanh) được đánh số thứ tự từ 01 đến 07, có thể hiện chữ viết bằng bút bi mực màu xanh, chữ ký và con số; 02 tờ giấy tập học sinh có ôli, nội D: Biên nhận ngày 08/3/2019 có chữ ký và tên “Nguyễn Thị Thúy A”, chữ ký và tên của “Nguyễn Văn N” (người bảo lãnh) “Nguyễn Thị Thúy A” và chữ ký của “Nguyễn Văn N” (người bảo lãnh);

- Thu giữ của bà Bùi Thị Đ: 01 quyển tập học sinh được đánh số thứ tự từ 01 đến 05 có thể hiện số, chữ và chữ ký (quyển sổ theo dõi của bà Bùi Thị Đ đưa tiền cho Nguyễn Thị Thúy A vay); 01 biên nhận thể chấp ngày 15/01/2021 do Nguyễn Thị Thúy A viết, ký tên, ghi họ tên; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số CM 451649 được Ủy ban nhân dân thị xã Kiên T cấp ngày 29/01/2021, số vào sổ cấp GCN: CH02748 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Tấn T đứng tên chủ sở hữu); 01 hồ sơ gồm: 01 đơn kêu cứu; bảng kê danh sách những người liên quan đưa tiền đáo hạn ngân hàng cho Nguyễn Thị Thúy A, 01 quyển tập giấy A4 thể hiện tin nhắn giữa Nguyễn Thị Thúy A và Đ, 09 hợp đồng thể chấp Ngân hàng vay tiền (bản photo);

- Thu giữ của Nguyễn Thị Thúy A: 01 quyển tập học sinh (bìa ngoài có dòng chữ thể hệ mới - loại tập ô li) được đánh số thứ tự 01 đến 28, trong đó tại số thứ tự 01 đến 10 và số thứ tự trang 28 có thể hiện chữ viết, chữ số; 01 xấp giấy trắng A4 là dữ liệu tin nhắn được in ra từ điện thoại có đánh số thứ tự từ 01 đến 13, có chữ ký và tên Nguyễn Thị Thúy A.

Tại Kết luận giám định số: 631/2022/KLGD ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

- Chữ viết bắt đầu “Biên nhận...” và kết thúc “...Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút mực màu xanh, chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút mực màu xanh, trên 02 tờ “Biên nhận” (đóng dấu TLCDĐ, ký hiệu A1 và A2); chữ viết bắt đầu “Biên nhận...” và kết thúc “...Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút bic màu xanh, trên 08 tờ “Biên Nhận” (đóng dấu TLCDĐ, ký hiệu A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 và A10); chữ viết bắt đầu “Hôm nay...” và kết thúc “...Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút bic màu xanh, 02 chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên mượn”, trên tờ “Biên Nhận” (đóng dấu TLCDĐ, ký hiệu A11) với chữ viết bắt đầu “Nguyễn Thị Thúy A...” và kết thúc “...Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Thúy A” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người khai”, trên 04 tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu: M1, M2, M3, M4) là do cùng một người viết và ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị Mỹ D yêu cầu Nguyễn Thị Thúy A trả lại số tiền 9.988.200.000 đồng. Bà Võ Ngọc H yêu cầu Nguyễn Thị Thúy A trả lại số tiền 3.975.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thắng yêu cầu Nguyễn Thị Thúy A trả lại số tiền 1.150.000.000 đồng. Bà Đ yêu cầu Nguyễn Thị Thúy A trả lại số tiền 22.110.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Yến T yêu cầu Nguyễn Thị Thúy A trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HS-ST ngày 30/03/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thúy A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thúy A 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy A hoàn trả và bồi thường cho:

- Bà Bùi Thị Đ số tiền 22.110.000.000 (Hai mươi hai tỷ một trăm mười triệu) đồng;

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự các bị hại khác, án phí hình sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/04/2023 bị hại Đ kháng cáo yêu cầu cụ thể như sau:

a. Tính lãi suất 1,8%/tháng theo từng ngày nhận nợ, đối với số tiền 22.110.000.000 đồng.

b. Xử lý thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 1-8, khu phố 1, thị xã T để giải quyết nợ cho bị hại Đ, vì bị cáo trực tiếp thế chấp giấy CNQSDĐ để vay tiền của bị hại Đ.

c. Yêu cầu làm rõ số tiền bị cáo nhận 31.206.540.000 đồng đang ở đâu, để thu hồi cho bị hại.

d. Phải làm rõ trách nhiệm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, Trần Thị L là mẹ chồng, mẹ ruột của bị cáo có liên quan số tiền chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Hành vi của bị hại Đ và bị cáo An có dấu hiệu phạm tội cho vay nặng lãi, nên đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để giao lại cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại vụ án tránh bỏ lọt tội phạm.

Bị hại Đ tranh tụng: Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu, không có căn cứ cho rằng tôi là người cho vay nặng lãi; vì số tiền tôi cho bị cáo An vay 26.747.000.000 đồng, tôi mới nhận 232.660.000 đồng thì không có cơ sở cho vay nặng lãi; hơn nữa, tôi chỉ là người trung gian nhận tiền cho vay của người khác giao lại cho bị cáo An và khi nhận tiền lãi của bị cáo tôi cũng giao lại cho người đã giao tiền cho tôi; nay bị cáo không trả tiền cho tôi, nên tôi không có tiền để trả cho họ; gia đình đã đuổi tôi ra khỏi nhà gây thiệt hại rất lớn cho tôi, không có nơi ăn chốn ở. Nay bà Đ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết 4 nội D kháng cáo trên để thu hồi nợ, bảo đảm quyền lợi cho bà Đ.

Luật sư bào chữa và bảo vệ quyền lợi cho bị cáo A trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo; bị hại Đ kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để xem xét, còn về đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo A có dấu hiệu của tội cho vay nặng lãi là không có cơ sở, hơn nữa về phần trách nhiệm hình sự đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo A đã đi chấp hành án, nên Viện kiểm sát đề nghị huỷ án là chưa phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị hại Đ đúng luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét kháng cáo của bị hại Đ:

[1]. Bằng hành vi, thủ đoạn gian dối bị cáo A nói vay tiền của các bị hại để đáo nợ Ngân hàng, bị cáo A đã chiếm đoạt của bị hại Đ 22.110.000.000 đồng; đây là vụ án hình sự Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo A, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc bị cáo A phải trả lại số tiền chiếm đoạt 22.110.000.000 đồng cho bị hại Đ là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác, tại phiên toà sơ thẩm bị hại Đ không yêu cầu xem xét tiền lãi, nên Toà án cấp sơ thẩm không xét nay bị hại kháng cáo yêu cầu bị cáo phải trả tiền lãi là không phù hợp và cấp phúc thẩm cũng không có thẩm quyền để xem xét nội D này.

[2]. Trong thời gian chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại, bị cáo A có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 451649 được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 29/01/2021, số vào sổ cấp GCN: CH02748 thửa 1019, tờ bản đồ số 1-8, diện tích 95,3m², tọa lạc tại phường 1, thị xã T đứng tên ông Nguyễn Tấn T (chồng bị cáo A) cho bị hại Đ; không thực hiện đúng quy định về việc đăng ký, thế chấp bất động sản tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; hơn nữa, hành vi của bị cáo A thực hiện chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại; vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm chuyển giấy chứng nhận sang cơ quan Cục thi hành án Dân sự tỉnh Long An để thi hành phần trách nhiệm dân sự cho các bị hại trong vụ án là phù hợp; việc thi hành án thuộc thẩm quyền của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

[3]. Bị cáo có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại từ trước, nên bị cáo thực hiện hành vi gian dối là vay tiền để đáo nợ Ngân hàng nhưng bị cáo không thực hiện đáo nợ Ngân hàng; thông qua hợp đồng vay tài sản, trả lãi suất cao, để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo A chiếm đoạt. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo khai nhận vay tiền của người sau để trả vốn và lãi cho người trước và tiêu xài cá nhân nên cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. Vì vậy, bị hại Đ tiếp tục yêu cầu làm rõ số tiền bị cáo nhận của các bị hại 31.206.540.000 đồng đang ở đâu, thu hồi trả cho bị hại là không có cơ sở.

[4]. Tại phiên toà sơ thẩm, bị hại Đ cũng khai báo là người trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng cho bị cáo A vay tiền, phù hợp với lời khai của bị cáo A. Do đó, bị hại Đ khai báo đã giao tiền cho bà Trần Thị Hoà, Trần Thị L là mẹ chồng, mẹ ruột của bị cáo nhưng bà Trần Thị H, Trần Thị L không thừa nhận việc giao dịch và nhận tiền của bị hại Đ (BL: 777, 778); tại phiên toà phúc thẩm bà Trần Thị H, Trần Thị L cũng không thừa nhận giao dịch hay nhận tiền của bị hại Đ, nên các Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm, không xem xét xử lý và buộc bà Trần Thị H, Trần Thị L trả tiền cho bị hại Đ là phù hợp. Nay, bị hại Đ còn cho rằng ông Nê là cha của bị cáo giao cho bị hại 2 giấy photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo A, nên ông Nê có liên quan giúp sức cho bị cáo A chiếm đoạt tài sản của bị hại là chưa đủ cơ sở; vì giấy photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có giá trị pháp lý, để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt.

[5]. Tại phiên toà phúc thẩm, bị hại Đ là người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; từ

những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đơn kháng cáo của bị hại Dương không có cơ sở nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp; vì trong vụ án này bị cáo, bị hại không có kháng cáo Viện kiểm sát không kháng nghị về tội danh hay bỏ lọt tội phạm, hiện nay phân hình sự đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo A đã đi chấp hành án, nên Viện kiểm sát đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để xử lý bị cáo A, bị hại Đ có dấu hiệu về tội cho vay nặng lãi là vượt quá phạm vi, tính chất của xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 330, Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự, làm bất lợi đối với bị cáo A. Nếu có căn cứ bị cáo A, bị hại Đ phạm một tội khác thì có quyền kiến nghị các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm tiếp tục điều tra, xử lý là phù hợp, nên quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không được chấp nhận. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại Đ, giữ nguyên phần dân sự bản án sơ thẩm. Bị hại Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại Đ; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 30/03/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (về phần dân sự) như sau:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy A hoàn trả và bồi thường cho: Bà Đ số tiền 22.110.000.000 (*Hai mươi hai tỷ một trăm mười triệu*) đồng;

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tiếp tục tạm giữ 01 (*Một*) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số CM 451649 được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 29/01/2021, số vào sổ cấp GCN: CH02748 (Quyền sử dụng đất phần đất thửa 1019, tờ bản đồ số 1-8, diện tích 95,3m² tọa lạc tại phường 1, thị xã T) do ông Nguyễn Tấn T đứng tên và chuyển Cục Thi hành án Dân sự Long An để đảm bảo cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy A thi hành phần trách nhiệm dân sự cho các bị hại.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị hại Đ phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Minh

Vương Minh Tâm

Đặng Văn Ý

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND tỉnh Long An (2);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- CA tỉnh Long An (1);
- Sở tư pháp tỉnh Long An (1);
- Trại tạm giam Xuân Lộc (2) (để tổng đạt cho bc 1b)
- Lưu (3) (NTTP).

Đặng Văn Ý

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

Vương Minh Tâm

Đặng Văn Ý